

Số: 1120/VPCP-KSTT
V/v chuẩn bị sơ kết triển khai
Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đề chuẩn bị sơ kết triển khai thực hiện Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Văn phòng Chính phủ đề nghị Quý bộ, ngành, địa phương rà soát các nhiệm vụ, công việc được giao, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp khắc phục (nếu có), gửi về Văn phòng Chính phủ trước ngày 28 tháng 02 năm 2020 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tình hình, kết quả thực hiện tích hợp, đăng nhập một lần (SSO); đồng bộ hồ sơ thủ tục hành chính; bố trí máy chủ bảo mật (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo và nội dung được đăng tải công khai tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-chi-tiet-tin-tuc.html?new_id=321).

2. Tình hình, kết quả thực hiện tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục, xây dựng, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo lộ trình, mục tiêu tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

3. Tình hình, kết quả thực hiện chuẩn hóa, công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên hệ thống của Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tiếp nhận, xử lý các hồ sơ trực tuyến được gửi từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

4. Tình hình, kết quả thực hiện kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, thuế,... trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện dịch vụ công.

5. Tình hình, kết quả thực hiện quản trị, vận hành hệ thống, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin như: Giám sát, kiểm tra đảm bảo máy chủ bảo mật hoạt động ổn định, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia thông suốt, hiệu quả (*Chi tiết ví dụ về kết quả gửi hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia cho địa phương tại phụ lục kèm theo*),...

6. Lập danh sách cán bộ đầu mối kỹ thuật gửi Văn phòng Chính phủ để kịp thời phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình kết nối, tích hợp nếu có (*Chi tiết mẫu danh sách cán bộ đầu mối tại phụ lục kèm theo*).

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg. Vũ Đức Đam (để b/c);
- VNPT, Vnpost;
- VPCP: BTCN;
- Lưu: VT, KSTT (2).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized loop at the top and a long, sweeping horizontal stroke extending to the right.

Mai Tiến Dũng

Phụ lục

MỘT SỐ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Công văn Số: 1120/VPCP-KSTT ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ)

I. KẾT QUẢ KẾT NỐI, TÍCH HỢP

Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 11h ngày 11 tháng 02 năm 2020, kết quả cụ thể như sau:

1. Các bộ, ngành

TT	Bộ, ngành	Đăng nhập một lần (SSO) ¹	Máy chủ bảo mật	Đồng bộ hồ sơ	Sai mã TTHC hồ sơ đồng bộ
1	Bộ Công an				
2	Bộ Quốc phòng				
3	Bộ Ngoại giao				
4	Bộ Nội vụ				
5	Bộ Tư pháp				
6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	X	X		
7	Bộ Tài chính	X	X	179	0
8	Bộ Công Thương	X	X	92.920	0

¹ Đánh dấu X là đã hoàn thành.

9	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn		X		
10	Bộ Giao thông vận tải	X	X	2.459	0
11	Bộ Xây dựng	X	X	15	0
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường	X	X	2	0
13	Bộ Thông tin và Truyền thông		X		
14	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội				
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	X	X	7	0
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo		X		
18	Bộ Y tế		X		
19	Ủy ban dân tộc				
20	Ngân hàng nhà nước Việt Nam		X	16	81,25% (13)
21	Thanh tra Chính phủ				
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	X	X	224.193	0
	TỔNG HỢP	08/22	13/22	07/22	

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

TT	Tỉnh/ Thành phố	Đăng nhập một lần (SSO) ²	Máy chủ bảo mật	Đồng bộ hồ sơ	Sai mã TTHC hồ sơ đồng bộ
1	Thành phố Hà Nội	X	X	1.038	11,36% (118)
2	Thành phố Hồ Chí Minh	X	X	11.564	86,01% (9.947)
3	Thành phố Hải Phòng	X	X	206	0
4	An Giang	X	X	14.439	13,09% (1.891)
5	Bà Rịa - Vũng Tàu		X	213	0
6	Bạc Liêu	X	X	2.450	0
7	Bắc Kạn	X	X	301	0,33% (1)
8	Bắc Giang	X	X	3.034	0
9	Bắc Ninh	X	X	365	0
10	Bến Tre	X	X	93	0
11	Bình Dương	X	X	195	0
12	Bình Định	X	X	1.887	3,28% (62)
13	Bình Phước	X	X	456	21,49% (98)
14	Bình Thuận	X	X	479	0,41 (2)
15	Cà Mau	X	X	1.688	34,95% (590)
16	Cao Bằng	X	X	887	0

² Đánh dấu X là đã hoàn thành

17	Thành phố Cần Thơ	X	X	5.237	0
18	Thành Phố Đà Nẵng	X	X	7.254	5,73% (416)
19	Đắk Lắk	X	X	8.631	0
20	Đắk Nông	X	X	2.043	68,77% (1.405)
21	Điện Biên	X	X	2.976	0
22	Đồng Nai	X	X	24	0
23	Đồng Tháp	X	X	17.399	0
24	Gia Lai	X	X	687	0,43% (3)
25	Hà Giang	X	X	95	0
26	Hà Nam	X	X	5.654	0
27	Hà Tĩnh	X	X	290	0,34% (1)
28	Hải Dương	X	X	11.033	38,69% (4.269)
29	Hòa Bình	X	X		
30	Hậu Giang	X	X	177	0
31	Hưng Yên	X	X	2.535	0,39% (10)
32	Khánh Hòa	X	X	9.763	0,04% (4)
33	Kiên Giang	X	X	27.346	0
34	Kon Tum	X	X	612	0
35	Lai Châu	X	X	3.027	0,85% (26)
36	Lào Cai	X		3.204	0
37	Lạng Sơn	X		416	0
38	Lâm Đồng	X	X	9.511	0,06 (6)

39	Long An	X		666	0
40	Nam Định	X	X	2.959	3,04% (90)
41	Nghệ An	X		4.018	0,02% (1)
42	Ninh Bình	X		7.398	0,19% (14)
43	Ninh Thuận	X	X	81	0
44	Phú Thọ	X	X	7.641	24,17% (1.847)
45	Phú Yên	X	X		
46	Quảng Bình	X	X	3.199	0
47	Quảng Nam	X	X	706	0
48	Quảng Ngãi	X	X	6.693	0
49	Quảng Ninh	X	X	265	7,16% (19)
50	Quảng Trị	X	X	3.070	0,45% (14)
51	Sóc Trăng	X	X		
52	Sơn La	X	X	747	0
53	Tây Ninh	X	X	1.046	0
54	Thái Bình	X	X	973	62,07% (604)
55	Thái Nguyên	X	X	591	0
56	Thanh Hóa	X	X	4.087	0,09% (4)
57	Thừa Thiên Huế	X	X	72	0
58	Tiền Giang	X	X	2.015	0
59	Trà Vinh	X	X	1.476	0
60	Tuyên Quang	X		1.671	0

61	Vĩnh Long	X	X	134	0
62	Vĩnh Phúc	X	X	2.340	52,52% (1.229)
63	Yên Bái	X		11.823	0,66% (77)
	TỔNG HỢP	62/63	56/63	61/63	

II. KẾT QUẢ GỬI HỒ SƠ TRỰC TUYẾN THỰC HIỆN TỪ CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA CHO ĐỊA PHƯƠNG

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 13 tháng 02 năm 2020, số lượng hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Công Dịch vụ công Quốc gia đối với thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại không gửi được cho địa phương do địa phương chưa kịp thời khắc phục lỗi kỹ thuật, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ đã gửi	Số hồ sơ không gửi được
1	Sở Công Thương - TP Hà Nội	52	3
2	Sở Công Thương - TP Hải Phòng	58	0
3	Sở Công Thương - TP Đà Nẵng	69	0
4	Sở Công Thương - TP.HCM	59	0
5	Sở Công Thương - Thành phố Cần Thơ	71	0
6	Sở Công Thương - Tỉnh Bình Dương	69	0
7	Sở Công Thương - Tỉnh Bạc Liêu	61	2
8	Sở Công Thương - Tỉnh Bắc Giang	53	0
9	Sở Công Thương - Tỉnh Cao Bằng	46	1
10	Sở Công Thương - Tỉnh Cà Mau	71	2

11	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Giang	48	21
12	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Nam	52	1
13	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Tĩnh	54	0
14	Sở Công Thương - Tỉnh Hòa Bình	49	0
15	Sở Công Thương - Tỉnh Hưng Yên	49	1
16	Sở Công Thương - Tỉnh Hải Dương	56	0
17	Sở Công Thương - Tỉnh Hậu Giang	69	69
18	Sở Công Thương - Tỉnh Lai Châu	46	1
19	Sở Công Thương - Tỉnh Lào Cai	48	1
20	Sở Công Thương - Tỉnh Lâm Đồng	63	1
21	Sở Công Thương - Tỉnh Nghệ An	67	0
22	Sở Công Thương - Tỉnh Ninh Thuận	64	0
23	Sở Công Thương - Tỉnh Phú Thọ	61	0
24	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Ninh	55	0
25	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Trị	57	2
26	Sở Công Thương - Tỉnh Sóc Trăng	58	2
27	Sở Công Thương - Tỉnh Sơn La	50	0
28	Sở Công Thương - Tỉnh Thanh Hóa	58	0
29	Sở Công Thương - Tỉnh Thái Bình	54	1

30	Sở Công Thương - Tỉnh Trà Vinh	70	2
31	Sở Công Thương - Tỉnh Tuyên Quang	53	1
32	Sở Công Thương - Tỉnh Vĩnh Long	68	0
33	Sở Công Thương - Tỉnh Đắk Lắk	70	1
34	Sở Công Thương - Tỉnh Đồng Tháp	69	14
35	Sở Công Thương - tỉnh An Giang	70	1
36	Sở Công Thương - tỉnh BR-VT	61	0
37	Sở Công Thương - tỉnh Bình Phước	63	0
38	Sở Công Thương - tỉnh Bình Thuận	63	2
39	Sở Công Thương - tỉnh Bình Định	66	2
40	Sở Công Thương - tỉnh Bắc Kạn	46	42
41	Sở Công Thương - tỉnh Bắc Ninh	53	1
42	Sở Công Thương - tỉnh Bến Tre	65	2
43	Sở Công Thương - tỉnh Gia Lai	74	0
44	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	66	3
45	Sở Công Thương - tỉnh Kiên Giang	85	2
46	Sở Công Thương - tỉnh Kon Tum	76	1
47	Sở Công Thương - tỉnh Long An	69	1
48	Sở Công Thương - tỉnh Lạng Sơn	47	1
49	Sở Công Thương - tỉnh Nam Định	53	0
50	Sở Công Thương - tỉnh Phú Yên	63	0

51	Sở Công Thương - tỉnh Quảng Bình	58	0
52	Sở Công Thương - tỉnh Quảng Ngãi	63	2
53	Sở Công Thương - tỉnh Thái Nguyên	54	0
54	Sở Công Thương - tỉnh Thừa Thiên Huế	68	1
55	Sở Công Thương - tỉnh Tây Ninh	62	0
56	Sở Công Thương - tỉnh Vĩnh Phúc	59	1
57	Sở Công Thương - tỉnh Yên Bái	54	1
58	Sở Công Thương - tỉnh Điện Biên	46	0
59	Sở Công Thương - tỉnh Đắk Nông	52	1
60	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	69	5
61	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Nam	62	0
62	Sở Công Thương Tiền Giang	65	2
63	Sở Công thương - tỉnh Ninh Bình	55	1
	Tổng số	3784	198

III. MẪU DANH SÁCH CÁN BỘ KỸ THUẬT PHỤ TRÁCH KẾT NỐI, TÍCH HỢP CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Số điện thoại	Email	Số CMND/CCCD	Ghi chú

